

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/LĐ-ST  
Ngày: 30-5-2025  
V/v tranh chấp hợp đồng lao động

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Lài;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Sơn Tây;

2. Ông Tống Văn Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:**  
Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 20/2025/TLST-LĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc Tranh chấp hợp đồng lao động theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-LĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-LĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tuấn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Tiệm tóc Kim Chi, đường số 32, tổ 5, khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần đầu tư B; địa chỉ: Thửa đất số 151, tờ bản đồ số 51, tổ 4, khu phố 8, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Tuấn L, sinh năm 1992; địa chỉ: Tiệm tóc Kim Chi, đường số 32, tổ 5, khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội thành phố T; địa chỉ: khu phố 5, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn T trình bày: Từ tháng 11 năm 2008 đến tháng 01 năm 2012 ông Nguyễn Tuấn T làm việc tại Công ty TNHH Nội thất C (sau đây gọi tắt là Công ty C). Quá trình làm việc tại Công ty ông T có tham gia bảo hiểm xã hội số sổ là 7408042129 do Bảo hiểm xã hội thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp. Sau khi nghỉ việc khoảng 01 năm ông T đến BHXH thành phố T làm thủ tục rút sổ BHXH. Sau đó vào tháng 5 năm 2012 thì xin vào làm việc tại Công ty TNHH V và tham gia BHXH với số sổ là 7412183829 đến tháng 10 năm 2023 thì ông T nghỉ việc và đi làm thủ tục hưởng BHXH một lần nhưng bị từ chối giải quyết vì có quá trình đóng BHXH bị trùng. Cụ thể, trùng thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 11/2008 đến tháng 04/2010; hồ sơ BHXH của ông T cùng lúc tham gia đóng BHXH tại Công ty TNHH Nội thất C và Công ty Cổ phần đầu tư B.

Việc trùng thời gian đóng bảo hiểm trên là do ông Nguyễn Tuấn T với ông Nguyễn Tuấn L có mối quan hệ là anh em ruột với nhau. Do Nguyễn Tuấn L chưa đủ tuổi nên các công ty không nhận vào làm việc. Vì vậy, ông T đã cho ông L mượn Giấy chứng minh nhân dân để ông L ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần đầu tư B; địa chỉ: Đường ĐT746, khu phố 5, phường Uyên Hưng, thành phố T, tỉnh Bình Dương (sau đây gọi tắt là Công ty B). Ông Nguyễn Tuấn L đã sử dụng chứng minh nhân dân của ông T để làm việc tại Công ty B từ tháng 11/2008 đến tháng 04/2010 thì nghỉ việc. Quá trình làm việc từ tháng 11/2008 đến tháng 04/2010, ông Nguyễn Tuấn L (với hồ sơ mang tên của ông Nguyễn Tuấn T) có tham gia đóng BHXH với số sổ 7408115649. Sau khi Nguyễn Tuấn L nghỉ việc chưa làm thủ tục hưởng chế độ BHXH.

Do nhận thức pháp luật hạn chế nên ông Nguyễn Tuấn T cho ông Nguyễn Tuấn L mượn Giấy chứng minh nhân dân để giao kết hợp đồng với Công ty Cổ phần đầu tư B.

Do đó, bà ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty Cổ phần đầu tư B và ông Nguyễn Tuấn T (do ông Nguyễn Tuấn L thực hiện) từ tháng 11/2008 đến tháng 04/2010 vô hiệu. Ông T không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Bị đơn Công ty Cổ phần đầu tư B được triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vắng mặt không lý do, không giao nộp văn bản ghi ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn L trình bày:* Ông Nguyễn Tuấn L thống nhất toàn bộ ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn T về việc yêu cầu Toà án tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty Cổ phần đầu tư B và ông Nguyễn Tuấn T (do ông Nguyễn Tuấn L thực hiện) từ tháng 11/2008 đến tháng 04/2010 vô hiệu. Đồng thời, có đơn xin vắng mặt.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày:* Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu của ông Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 27/8/1989, số CMND 273285309 (số CCCD 077089004407) được Công ty Cổ phần đầu tư B tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN) với mã số BHXH 7408115649 từ tháng 11/2008 đến tháng 04/2010 (kèm theo bản quá trình tham gia); đã xác nhận quá trình đóng BHXH, BHTN, BHTNLD-BNN. Theo quy định hiện hành về đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN cơ quan BHXH không lưu giữ HĐLĐ và các giấy tờ tùy thân của người lao động mà do người sử dụng lao động quản lý, lưu giữ. Tra cứu thông tin giải quyết hưởng các chế độ BHXH, bảo hiểm thất nghiệp: Mã số 7408115649, tên Nguyễn Tuấn T chưa hưởng BHXH một lần, chưa hưởng trợ cấp BHTN.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu tại phiên tòa:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các T liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn T khởi kiện bị đơn Công ty Cổ phần đầu tư B yêu cầu tuyên hợp đồng lao động vô hiệu. Theo Công văn số 641/ĐKKD ngày 20/5/2025 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở T chính tỉnh Bình Dương xác định bị đơn Công ty Cổ phần đầu tư B có trụ sở tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 51, tổ 4, khu phố 8, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào khoản 5 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt; bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: Ông Nguyễn Tuấn T và ông Nguyễn Tuấn L cùng thống nhất nội dung là ông Nguyễn Tuấn L là người trực tiếp tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần đầu tư B từ tháng 11/2008 đến tháng 04/2010 với tên Nguyễn Tuấn T. Quá trình làm việc, Công ty Cổ phần đầu tư B tham gia đóng bảo hiểm cho ông L với tên Nguyễn Tuấn T, số sổ BHXH: 7408115649 thời gian từ tháng 11/2008 đến tháng 04/2010, chưa hưởng BHXH một lần. Xét thấy, việc ông L sử dụng thông tin của ông T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần đầu tư B từ tháng 11/2008 đến tháng 04/2010 là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ Luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu theo khoản 1 Điều 49 của Bộ Luật Lao động. Do đó, việc ông Nguyễn Tuấn T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Tuấn T (do ông Nguyễn Tuấn L thực hiện) với Công ty Cổ phần đầu tư B từ tháng 11/2008 đến tháng 04/2010 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các điều 32, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn T đối với bị đơn Công ty Cổ phần đầu tư B về việc “Tranh chấp hợp đồng lao động”.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Tuấn T và Công ty Cổ phần đầu tư B, thời gian làm việc từ tháng 11/2008 đến tháng 04/2010 bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Nguyễn Tuấn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005017 ngày 26/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Kim Lại**